

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Thuận.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện T, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Hoàng T, sinh ngày 09/6/1999 tại S. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hoàng T1 (năm sinh 1977, sống) và bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (năm sinh 1977, sống); Anh, chị, em ruột: 02 (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án: Không; Tiền sự: 01 (Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 16/QĐ-TA ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S. Ngày 12/3/2020, Tòa án nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 45/QĐ-TA miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại là 08 tháng 22 ngày); Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/02/2021 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

1. Đinh Hoàng S; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (có mặt).

2. Đinh Thị Kiều T; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (có mặt).

3. Nguyễn Thị Tuyết L; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 12 năm 2020, bị cáo đi bộ tới nhà của H để nhậu cùng với T3, T4 và H (cả ba người cùng ngụ ấp C, xã T). Cả nhóm cùng nhậu tới hơn 23 giờ cùng ngày. Sau đó, H vào nhà ngủ, còn T3, T4 thì về nhà. Bị cáo ngồi lại phía sau nhà H khoảng 15 phút. Bị cáo quan sát thấy nhà của bà Nguyễn Thị Tuyết L (đối diện nhà H cách con đường đal) đóng cửa và mọi người đã đi ngủ. Bị cáo đi vòng ra phía sau nhà bà L. Thấy nhà phía sau đóng cửa, loại cửa một cánh bằng kim loại và kính (kích thước 1,97m x 0,8m), bị cáo liền dùng cây vít vắt trên vách nhà bà L cạy tấm kim loại hình chữ nhật màu trắng bạc phía dưới cửa (kích thước 0,7m x 0,65m) tạo ra một khoảng trống dưới chân cửa có kích thước 0,7m x 0,65m. Bị cáo chui vào nhà thông qua khoảng trống này. Khi vào nhà, bị cáo đi thẳng ra phía nhà trước thì phát hiện một cái điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh để trên bàn máy may đang cắm sạc. Bị cáo tháo dây sạc, lấy điện thoại bỏ vào túi quần phía trước bên trái. Sau đó, bị cáo dùng tay mở nhẹ cửa phòng ngủ, vừa bước vào thì thấy có hai cái điện thoại di động hiệu Vivo đang sạc trên đầu tủ nhựa. Bị cáo liền rút dây sạc rồi bỏ hai cái điện thoại vào túi quần phía trước bên trái. Sau khi lấy trộm được ba cái điện thoại, bị cáo liền đi ra khỏi nhà thông qua khoảng trống lúc chui vào nhà. Sau đó, bị cáo đi bộ về nhà. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25 tháng 12 năm 2020, anh Đinh Hoàng S thức dậy thì phát hiện nhà bị mất trộm. Gia đình kiểm tra tài sản thì biết được số tài sản bị mất là: một điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh của anh Đinh Hoàng S, một điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh nhạt của chị Đinh Thị Kiều T (em gái anh S) và một điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng của bà Nguyễn Thị Tuyết L (mẹ anh S). Sau khi trộm được ba cái điện thoại di động, bị cáo không mở được mặt khóa nên tháo sim mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 21 giờ ngày 26 tháng 12 năm 2020, bị cáo đem một cái điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng và một điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh gửi cho Thạch H, sinh năm 1987, cư ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S. Bị cáo giữ lại một cái điện thoại di động hiệu Vivo Y30 màu xanh nhạt để sử dụng. Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bị cáo và Thạch H đã tự nguyện giao nộp ba chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm được cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y30 màu xanh nhạt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh, số seri: b089sdb6, IMEI 1: 862386041422577, IMEI 2: 86236041422569, đã qua sử dụng và 01 (một) điện

thoại di động hiệu Vivo Y55 màu vàng, số kiểu máy: Vivo 1610, IMEI 1: 866580036716177, IMEI 2:866580036716169, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/HĐĐGTS ngày 12/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của ba chiếc điện thoại nêu trên tại thời điểm yêu cầu định giá ngày 04/01/2021 là 10.080.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSĐT ngày 02/4/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đã truy tố Trần Hoàng T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hoàng Tuấn phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hoàng T từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không xem xét, giải quyết. Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị hại Đinh Hoàng S, Nguyễn Thị Tuyết L và Đinh Thị Kiều T trình bày phù hợp với các tình tiết như trong cáo trạng đã nêu. Các bị hại không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Nhất trí với lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của bị hại và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ

hành vi trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động mà cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân nói chung, của các bị hại nói riêng, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào khoảng hơn 23 giờ ngày 24 tháng 12 năm 2020, sau khi nhậu ở nhà H, H vào nhà ngủ, T3, T4 đi ra về, còn lại một mình bị cáo ngồi trước sân nhà của H. Lúc này, nhà của bà Nguyễn Thị Tuyết L ở cạnh nhà H đã đóng cửa đi ngủ. Lợi dụng gia đình bà Nguyễn Thị Tuyết L ngủ say, bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà bà L bằng cửa sau và lấy trộm được 03 cái điện thoại di động. Sau khi trộm được ba cái điện thoại di động, bị cáo không mở được mặt khóa nên tháo sim mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 21 giờ ngày 26 tháng 12 năm 2020, bị cáo đem một cái điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng và một điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh gửi cho Thạch H, sinh năm 1987, cư ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S. Bị cáo giữ lại một cái điện thoại di động hiệu Vivo Y30 màu xanh nhạt để sử dụng. Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bị cáo và Thạch H đã tự nguyện giao nộp ba cái điện thoại mà bị cáo đã trộm được cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trước khi phạm tội, bị cáo không có tiền án, có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện giao nộp tài sản đã trộm được để Cơ quan điều tra giao trả cho các bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có trình độ học vấn thấp (07/12). Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Tại tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hoàng T thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo Trần Hoàng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Đối với hành vi giữ hai cái điện thoại của Thạch H, quá trình điều tra đã xác định Thạch H không biết hai cái điện thoại này do bị cáo trộm mà có vì khi gửi bị cáo nói điện thoại của bạn bị cáo nhờ giữ dùm. Do đó, không có căn cứ để xử lý Thạch H liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y30 màu xanh nhạt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh, số seri: b089sdb6, IMEI 1: 862386041422577, IMEI 2:86236041422569, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y55 màu vàng, số kiểu máy: Vivo 1610, IMEI 1: 866580036716177, IMEI 2:866580036716169, đã qua sử dụng đã giao trả cho các bị hại vào ngày 22/02/2021 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 133).

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thị Tuyết L, Đinh Hoàng S và Đinh Thị Kiều T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y30 màu xanh nhạt, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme 5i màu xanh, số seri: b089sdb6, IMEI 1: 862386041422577, IMEI 2:86236041422569, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y55 màu vàng, số kiểu máy: Vivo 1610, IMEI 1: 866580036716177, IMEI 2:866580036716169, đã qua sử dụng đã giao trả cho các bị hại vào ngày 22/02/2021 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 133).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Hoàng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh S;
- Sở tư pháp tỉnh S;
- VKSND huyện T;
- CAND huyện T (CQCSĐT; Bộ phận HSNVCS; CQTHAHS; Nhà tạm giữ);
- THADS huyện T;
- Lưu (HSVA; TA).

Đặng Thị Ngọc Trân